

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03/9/2026

“Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nam

Bà Dương Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Nam Hải - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân khu vực 7 tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoài Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 045197006089; địa chỉ: Thôn E, xã B, tỉnh Quảng Trị, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Quang L, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 045092006823; địa chỉ: Thôn E, xã B, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H1 anh Lê Quang L kết hôn với nhau ngày 13/5/2015 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị (Nay là: UBND xã B, tỉnh Quảng Trị). Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Bùi Thị H cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Quang L.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Lê Quang L có hai con chung là cháu Lê Quang Minh N, sinh ngày 17/5/2015 và cháu Lê Quang Minh Đ, sinh ngày 08/11/2018. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quang Minh Đ; giao cháu Lê Quang Minh N cho anh Lê Quang L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quang L không tham gia phiên tòa và không có ý kiến gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Quang L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang Minh Đ, sinh ngày 08/11/2018 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Quang Minh N, sinh ngày 17/5/2015 cho anh Lê Quang L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Quang L và yêu cầu giải quyết về con chung, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Quang L đăng ký hộ khẩu thường trú thôn E, xã B, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH 15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Quang L. Anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có ý kiến gì; nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H và anh Lê Quang L kết hôn với nhau ngày 13/5/2015 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị (Nay là: UBND xã B, tỉnh Quảng Trị), đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay; Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh L và chị H, địa phương xác nhận về mâu thuẫn không nắm rõ nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh L bỏ mặc không tham gia hoà giải, không có nguyện vọng hàn gắn gia đình; Nhận thấy vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Lê Quang L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Quang L.

2.2. *Về con chung:* Chị Bùi Thị H và anh Lê Quang L có hai con chung là cháu Lê Quang Minh N, sinh ngày 17/5/2015 và cháu Lê Quang Minh Đ, sinh ngày 08/11/2018. Hiện nay, cháu Đ đang sinh sống với chị H nên chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ; cháu L đang sinh sống với anh L nên chị H có nguyện vọng giao cháu N cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh thì hiện nay cháu Lê Quang Minh N đang được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Lê Quang Minh Đ đang sinh sống với chị H; Tòa án đã lấy ý kiến của cháu N và cháu Đ thì cháu N có nguyện vọng được ở với anh L; còn cháu Đ ở với chị H; Để đảm bảo cho các cháu phát triển ổn định, không làm thay đổi môi trường sống của các cháu nên cần áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu, nguyện vọng của chị H.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Lê Quang L không có ý kiến gì nên không xem xét.

2.4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Quang L không có ý kiến gì nên không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28 ; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH 15 của Quốc Hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Quang L (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2015, ngày 13/5/2015 tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; nay là UBND xã B, tỉnh Quảng Trị*).

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang Minh Đ, sinh ngày 08/11/2018 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Quang Minh N, sinh ngày 17/5/2015 cho anh Lê Quang L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị H, anh Lê Quang L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền được cản trở chị Bùi Thị H, anh Lê Quang L thực hiện quyền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số: 0000305 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSNDKV7, tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADSKV 7, tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Ba Lòng, tỉnh Quảng Trị ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Ngọc

